

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6 - 2019
V/v tranh chấp: “Ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phi Hồng

2. Ông Mai Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị T, sinh năm: 1980. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng D, sinh năm: 1979. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn P, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Mai Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, vợ chồng có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 162 ngày 22/7/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mậu thuận phát sinh từ tháng 4 năm 2018, nguyên nhân là do ông D ngoại tình, mỗi lần bà khuyên can thì ông D chửi và đánh bà. Tháng 12 năm 2018, bà nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn, vì ông D hứa sẽ sửa đổi. Sau khi bà rút đơn về thì ông D vẫn không thay đổi, mà còn dọn đồ sống chung với người phụ nữ đó.

Bà đã gặp tức tiếp người phụ nữ đó để nói chuyện và khuyên đủ điều nhưng ông Du cũng không bỏ được người phụ nữ đó. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông Du, nên bà xin ly hôn với ông Phạm Hoàng D.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 04 con chung, tên các con là Phạm Mai Kim Xn, sinh ngày: 02/5/2000 đã trên 18 tuổi; Phạm Mai Kim T, sinh ngày: 15/10/2002; Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày: 16/01/2005 và Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày: 13/12/2014. Trường hợp được Tòa án giải quyết ly hôn, bà xin nuôi 03 con chung là các cháu T, H, H và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà làm nghề buôn bán cá tại Cảng Đông Hải, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Còn ông D làm nghề đi biển, thu nhập bình quân hàng tháng bao nhiêu bà không biết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tốt không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Tốt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2019 và Biên bản hòa giải ngày 02/5/2019, bị đơn là ông Phạm Hoàng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Ông thống nhất với ý kiến của bà T. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Là do mỗi khi ông đi chơi về, bà T hay cằn nhằn dẫn đến vợ chồng cãi nhau làm cho ông không có tâm trí làm ăn. Việc bà T nói ông ngoại tình thì ông thừa nhận, chỉ là ăn chơi ngoài đường. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với vợ con nên ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao các con cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn là bà Mai Thị T chấp hành đúng quy định của pháp luật. Còn bị đơn là ông Phạm Hoàng D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa bà Tốt và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng. Yêu cầu xin ly hôn của bà T có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tốt và giao 03 con chung là các cháu T, H và H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Không buộc ông D cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Mai Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Hoàng D và yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Hoàng D có địa chỉ cư trú tại thôn P, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau nữa, vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay. Nguyên nhân là do ông D ngoại tình. Theo đơn trình bày sự việc ngày 09/5/2019 của bà Mai Thị T, có xác nhận của Trưởng ban quản lý thôn P và UBND phường Đ, thể hiện như sau: *“Vợ chồng bà T và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, lời trình bày của bà Mai Thị T là đúng sự thật, kính chuyển quý cấp xem xét giải quyết”*.

Đối với ông Phạm Hoàng D, mặc dù ông đã trình bày với Tòa án rằng: Ông vẫn còn thương yêu vợ con, ông không muốn ly hôn. Nhưng thực tế là từ sau ngày hòa giải cho đến nay, Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông D tham gia phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, ông đã không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận: Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, nên yêu cầu ly hôn của bà T được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung dưới 18 tuổi, tên các con là Phạm Mai Kim T, sinh ngày: 15/10/2002, Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày: 16/01/2005, Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày: 13/12/2014. Đối chiếu với công việc hiện nay và mức thu nhập bình quân hàng tháng của bà T khoảng 10.000.000 đồng, cùng với những điều kiện liên quan như: Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2019, cháu T và cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ, còn cháu H chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không lấy lời khai. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng, bà T có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, đảm bảo được sự phát triển của các cháu, phù hợp với ý chí của ông D, phù

hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu T, H và H.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị T. Bà Mai Thị T được ly hôn ông Phạm Hoàng D.

2. Về con chung: Giao cho bà Mai Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, tên các con là: Phạm Mai Kim T, sinh ngày: 15/10/2002, Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày: 16/01/2005 và Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày: 13/12/2014.

3. Ông Phạm Hoàng D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Mai Thị T không yêu cầu.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với con chung; Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Bà Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018221 ngày 15/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Mai Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường ĐH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Xuân